



Tạp chí

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY

P. ISSN 1859-4190

E. ISSN 2815-553X



SỐ ĐẶC BIỆT

KỶ NIỆM 15 NĂM THÀNH LẬP TRƯỜNG

Số 2 (90)

2025

MỤC LỤC

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
1.	Xây dựng hệ sinh thái kinh tế số: Vai trò của giáo dục và nghiên cứu khoa học <i>Building a digital economy ecosystem: The role of education and scientific research</i>	Nguyễn Kế Nghĩa Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	7-16
2.	Áp dụng trí tuệ nhân tạo dự báo nhu cầu và tối ưu hóa tồn kho tại Việt Nam <i>Applying artificial intelligence to forecast demand and optimize inventory in Vietnam</i>	Nguyễn Xuân Trang Trường Kinh Tế Tài Chính - Đại học Thủ Dầu Một	17-24
3.	Kinh nghiệm của một số địa phương về phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế số - Bài học kinh nghiệm đối với tỉnh Hải Dương <i>Experiences of some localities in developing human resources for digital economic development - Lessons learned for Hai Duong province</i>	Vũ Hồng Phong; Phan Hoàng Đức; Vũ Văn Đông Trường Đại học Sao Đỏ	25-33
4.	Giải pháp phát huy tiềm năng và cơ hội tham gia, phát triển kinh tế số của thanh niên hiện nay <i>Solutions to promote the potential and opportunities to participate and develop the digital economy of youth</i>	Nguyễn Tuấn Anh Viện Nghiên cứu Thanh niên	34-43
5.	Nâng cao chất lượng nguồn lực giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững <i>Improving the quality of teaching resources in higher education institutions to meet the needs of sustainable development</i>	Nguyễn Thị Hiền Oanh Trường Đại học Sài Gòn	44-52
6.	Kinh nghiệm quốc tế về quản lý nền kinh tế số và hàm ý cho Việt Nam <i>International experiences in digital economy governance and policy implications for Vietnam</i>	Luyện Thùy Dung*, Bùi Tiến Thịnh Trường Đại học Tài Chính – Quản trị kinh doanh	53-60
7.	Số hoá ngành du lịch Quảng Bình: cơ hội và thách thức trong chuyển đổi số <i>Digital Transformation of Quang Binh's Tourism Industry: Opportunities and Challenges</i>	Phan Thị Quỳnh Trang Trường Đại học Quảng Bình	61-69

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
8.	Khung năng lực nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số <i>Information technology human resource capacity framework in the context of digital transformation</i>	Lại Thị Hiếu Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	70-76
9.	Thương mại điện tử góp phần quan trọng phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay <i>E-commerce as a key driver of digital economy development in Vietnam</i>	Nguyễn Hữu Sơn Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	77-83
10.	Chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam hiện nay <i>Digital transformation in small and medium enterprises in Vietnam today</i>	Trần Đăng Sinh¹, Phùng Thị Lý² ¹ Hội triết học Việt Nam ² Trường Đại học Sao Đỏ	84-93
11.	Chuyển đổi số ở thị trường lao động Việt Nam dưới góc nhìn xã hội học <i>Digital Transformation in the Vietnamese Labor Market: A Sociological Perspective</i>	Nguyễn Duy Thái^{1*}, Nguyễn Thị Hải Hà², Nguyễn Đức Chiện³ ¹ Tạp chí Xã hội học Việt Nam ² Trường Đại học Sao Đỏ ³ Viện Xã hội học	94-100
12.	Chuyển đổi số truy xuất nguồn gốc nông sản: kinh nghiệm quốc tế và gợi ý cho Việt Nam <i>Digital transformation in agricultural product traceability: international experiences and recommendations for Vietnam</i>	Lê Quý Dương^{1*}, Nguyễn Đức Chiện², Ngô Trung Thành³, Đinh Thị Thu Hằng³, Trần Thị Thu Thủy⁴ ¹ Viện nghiên cứu truyền thống và phát triển (TARDI) ² Viện Xã hội học – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam ³ Khoa Khoa học xã hội – Học viện Nông nghiệp Việt Nam ⁴ Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh Hải Dương	101-110
13.	Tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số đến phong cách lãnh đạo doanh nghiệp <i>Impacts of the Fourth Industrial Revolution and the digital transformation upon business leadership style</i>	Lưu Ngọc Trinh^{1*}, Lê Đăng Minh² ¹ Đại học Công Nghệ Giao thông vận tải ² Đại học Công nghệ Sài Gòn	111-120

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
14.	Nỗ lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của Nhật Bản <i>Japan's Efforts in Promoting the Digital Transformation</i>	Phạm Thị Hồng Hoa¹, Lưu Ngọc Trinh^{2*} ¹ Trường Đại học Sao Đỏ ² Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	121-131
15.	Phát triển nông nghiệp trong nền kinh tế số hiện nay: Cơ hội và thách thức <i>Agricultural Development in Today's Digital Economy: Opportunities and Challenges</i>	Nguyễn Thị Ngọc Mai Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi	132-140
16.	Chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào kinh tế số tại Việt Nam <i>Policies for attracting foreign investment into the digital economy in Vietnam</i>	Bùi Tiến Thịnh*, Nguyễn Thị Hoàng Mai Trường Đại học Tài Chính – Quản trị kinh doanh	141-148
17.	Kinh tế số trong ngành du lịch Việt Nam: Cơ hội và thách thức <i>Digital Economy in Vietnam tourism industry: Opportunities and challenges</i>	Nguyễn Hoàng Mai¹, Nguyễn Thị Ngọc Mai² ¹ Viện nghiên cứu phát triển du lịch ² Trường Đại học Sao Đỏ	149-158
18.	Phát triển doanh nghiệp tư nhân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trong nền kinh tế số <i>Developing private enterprises in Da Lat city, Lam Dong province in the digital economy</i>	Trương Minh Hoài^{1*}, Lê Thị Lại² ¹ Trường Đại học Đà Lạt ² Trường cao đẳng Đà Lạt	159-165
19.	Phổ cập hiểu biết ứng dụng fintech – Gợi ý giải pháp chuyển đổi số <i>Popularizing fintech application knowledge - Digital transformation solution suggestions</i>	Lê Thị Thúy Hà Phân hiệu Bắc Ninh – Học viện Ngân hàng	166-175
20.	Quá trình phát triển và xu hướng thị trường thương mại điện tử trong tương lai ở Việt Nam <i>The development process and future trends of the e-commerce market in Vietnam</i>	Nguyễn Thị Huế Trường Đại học Sao Đỏ	176-186
21.	Giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam trong kỷ nguyên số <i>Solutions for agricultural and rural economic development in Vietnam in the digital era</i>	Ngô Thị Luyện Trường Đại học Sao Đỏ	187-194
22.	Một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong xây dựng kinh tế số tại Việt Nam <i>Some solutions for human resource development in building digital economy in Vietnam</i>	Hoàng Thị Hoa Trường Đại Học Sao Đỏ	195-204

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
23.	Ứng dụng AI trong hoạt động marketing tại doanh nghiệp - Cơ hội và thách thức <i>Applying AI in marketing activities at enterprises - Opportunities and challenges</i>	Nguyễn Thị Thủy Trường Đại học Sao Đỏ	205-212
24.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phát triển du lịch thông minh tại tỉnh Hải Dương <i>Application of artificial intelligence (AI) in tourism development smart in Hai Duong province</i>	Vũ Thị Hương Trường Đại học Sao Đỏ	213-221
25.	Hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam trong nền kinh tế số <i>Accounting information systems in Vietnamese enterprises in the digital economy</i>	Vũ Thị Lý Trường Đại học Sao Đỏ	222-231
26.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hàng tồn kho, hiệu quả tại doanh nghiệp <i>Application of information technology in inventory management, efficiency in business</i>	Vũ Thị Thanh Thủy Trường Đại học Sao Đỏ	232-240
27.	Kinh tế số và giải pháp phát triển mô hình kinh tế số tại Việt Nam <i>Digital economy and solutions for developing digital economic models in Vietnam</i>	Nguyễn Minh Tuấn* , Phạm Thị Hồng Hoa Trường Đại học Sao Đỏ	241-249
28.	Ảnh hưởng của áp dụng trí tuệ nhân tạo đến năng suất lao động trong các doanh nghiệp thương mại điện tử tại Việt Nam <i>The influence of artificial intelligence adoption on workforce productivity in Vietnam e-commerce enterprises</i>	Nguyễn Thị Huyền Trang* , Trần Trọng Đức , Lê Khánh Duyên , Nguyễn Tuấn Minh , Nguyễn Hữu Hoàng Phúc , Đinh Thị Hồng Thắm Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	250-257
29.	Rủi ro gian lận báo cáo tài chính trong môi trường số và giải pháp kiểm toán số tại Việt Nam <i>Risk of financial reporting fraud in the digital environment and digital audit solutions in Vietnam</i>	Đinh Thị Kim Thiết Trường Đại học Sao Đỏ	258-265
30.	Hoàn thiện thể chế tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế số tại Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc <i>Perfecting the institutional framework as a prerequisite for digital economy development in Vietnam amidst the nation's rise</i>	Đậu Ngọc Linh Học viện cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	266-273

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
31.	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế số và hàm ý chính sách cho Việt Nam <i>Factors influencing digital economy development and policy implications for Vietnam</i>	Hồ Thị Hà Trường Kinh tế tài chính - Trường Đại học Thủ Dầu Một	274-281
32.	Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam: Thách thức và giải pháp <i>Promoting digital transformation in small and medium-sized enterprises (SMES) in Vietnam: Challenges and solutions.</i>	Nguyễn Thị Minh Hiếu^{1*}, Nguyễn Thị Huyền Trang² ¹ Trường Đại học Lao động Xã hội cơ sở II ² Trường Cao đẳng Công nghệ cao Đồng Nai	282-289
33.	Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu kinh tế số ở Việt Nam hiện nay <i>Developing human resources to meet digital economy requirements in Vietnam today</i>	Tạ Thị Năm Trường Đại học Công đoàn	290-297
34.	Cải tiến phương pháp kiểm tra - đánh giá nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số <i>Improving assessment methods – enhancing student training quality in the context of digital transformation</i>	Nguyễn Thị Thuỳ Trinh Trường Cao đẳng Đà Lạt	298-305
35.	Giải pháp nâng cao năng lực số của giảng viên đại học trong giai đoạn chuyển đổi số <i>Solutions to improve digital capabilities of university lecturers during the digital transformation period</i>	Nguyễn Thị Hiền Học Viện Ngân Hàng - Phân Viện Phú Yên	306-316
36.	Giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trong kỷ nguyên số <i>Solutions to promote digital transformation of small and medium enterprises of Vietnam in the digital age</i>	Đinh Mạnh Tuấn^{1*}, Lê Thanh Thảo² ¹ Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ ² Công ty IPCOM Vietnam	317-323
37.	Ứng dụng công nghệ số trong công tác giảng dạy <i>Applying digital technology in teaching</i>	Nguyễn Thị Hồng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP HCM	324-331
38.	Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thông minh: Góc nhìn pháp lý trong bối cảnh phát triển kinh tế số <i>The validity conditions of smart contracts: A legal perspective in the context of digital economic development</i>	Nguyễn Phương Uyên*, Thái Trần Văn Huế, Nguyễn Thị Diệu Hiền, Nguyễn Khánh Linh Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	332-339

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
39.	Phân tích tích hợp các đổi mới FinTech trong ngành ngân hàng: Những cải tiến và thách thức <i>Integrated Analysis of FinTech Innovations in Banking: Enhancements and Challenges</i>	Phí Văn Trọng* , Trần Thị Nam Thanh Trường Đại học Kinh tế quốc dân	340-349
40.	Một số vấn đề về chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng Việt Nam hiện nay <i>Some issues on digital transformation in the banking sector in Vietnam today</i>	Nguyễn Thị Huệ Viện Nghiên cứu Văn hoá – Viện Hàn lâm KHXHVN	360-359
41.	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế số của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập khu vực Châu Á - Thái Bình Dương hiện nay <i>Developing high-quality human resources to meet the demands of building Vietnam's digital economy in the context of regional integration in the Asia-Pacific today</i>	Tiêu Thị Thu Ngân* , Nguyễn Phương Linh , Vũ Tuấn Nghĩa Trường Đại học Ngoại thương	360-367
42.	Thực trạng chuyển đổi số ngành ngân hàng tại Việt Nam <i>The current situation of digital transformation of the banking industry in Vietnam</i>	Lương Thị Hoa Trường Đại học Sao Đỏ	368-376
43.	Giải pháp chuyển đổi số trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương <i>Solutions for digital transformation in accounting practices at businesses in Hai Duong province</i>	Nguyễn Thị Quỳnh Trường Đại học Sao Đỏ	377-385
44.	Phát triển năng lực số cho sinh viên các trường đại học trong giai đoạn hiện nay <i>Developing digital competencies for university students in the current context</i>	Nguyễn Thị Lý Trường Đại học Lâm nghiệp	386-394
45.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng hàng Việt trên sàn thương mại điện tử tại Việt Nam <i>Study on factors influencing Vietnamese consumer behavior on E-commerce platforms in Vietnam</i>	Trần Cương , Trần Thị Quý Chinh* Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	395-403

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
46.	Các nhân tố ảnh hưởng đến ứng dụng công nghệ thông tin tại các doanh nghiệp Logistics trên địa bàn thành phố Hà Nội <i>Factors influencing the application of information technology in Logistics Enterprises in Hanoi</i>	Trần Thị Quý Chinh* , Trần Cương , Nguyễn Thị Mai Anh , Phạm Thị Hương Giang Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	404-412
47.	Sử dụng lý thuyết TAM trong nghiên cứu nhận thức và mức độ tương tác của giảng viên và sinh viên kế toán, kiểm toán với ứng dụng AI trong đào tạo đại học. <i>Utilizing TAM Theory to study the perception and interaction of accounting and auditing lecturers and students with AI-powered tools in higher education</i>	Phùng Đặng Diệp Chi , Nguyễn Khánh Ly , Nguyễn Thu Ngân , Phạm Thành Long* Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	413-421
48.	Áp dụng thuế bất động sản trong bối cảnh chuyển đổi số: Kinh nghiệm từ Nga, Hoa Kỳ, Singapore và hàm ý chính sách cho Việt Nam <i>Real estate taxation in the digital age: Implementation insights from Russia, the United States, Singapore, and policy implications for Vietnam</i>	Nguyễn Văn Lộc , Nguyễn Văn Phương , Phạm Ngọc Hương Quỳnh* Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	422-431
49.	Tác động của quản trị nhân sự số đến kết quả làm việc của nhân viên tại các cơ sở giáo dục tại Hà Nội <i>The impact of digital human resource management on employee performance in educational institutions in Ha Noi</i>	Nguyễn Minh Phương¹ , Đào Thị Hà Anh^{2*} , Nguyễn Văn Lộc² ¹ Trường Đại học Việt Nhật - Đại học Quốc gia Hà Nội ² Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	432-441
50.	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn giải pháp tăng cường thực thi chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam <i>Some theoretical and practical issues on solutions to strengthen the implementation of policies to support digital transformation for small and medium-sized enterprises in Vietnam</i>	Phạm Thanh Tùng Ban Tổ chức – Kiểm tra Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	442-450

Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu kinh tế số ở Việt Nam hiện nay

Developing human resources to meet digital economy requirements in Vietnam today

Tạ Thị Năm

Trường Đại học Công đoàn

Email: namtt@dhcd.edu.vn

Ngày nhận bài: 28/02/2025

Ngày nhận bài sửa theo phản biện: 18/4/2025

Ngày chấp nhận đăng: 11/5/2025

Tóm tắt

Kinh tế số là xu thế tất yếu trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang lan tỏa mạnh mẽ, là mô hình kinh tế mới mà hầu hết các quốc gia trên thế giới đều đang hướng tới. Một quốc gia muốn phát triển kinh tế thì cần phải có các nguồn lực như: tài nguyên thiên nhiên, vốn, khoa học và công nghệ, con người... Trong các nguồn lực đó thì nguồn lực con người là nhân tố quan trọng nhất, có tính chất quyết định trong sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của mọi quốc gia. Trong phạm vi bài viết này, tác giả đi nghiên cứu, tìm hiểu về nguồn nhân lực, về kinh tế số; thực trạng và những vấn đề đặt ra để phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam trong bối cảnh kinh tế số hiện nay.

Từ khóa: Nguồn nhân lực; kinh tế số; Việt Nam.

Abstract

Digital economy is an inevitable trend in the context of the Industrial Revolution 4.0, which has been spreading strongly and is a new economic model that most countries in the world are aiming for. If a country wants to develop economically, it needs resources such as: natural resources, capital, science and technology, people... Among those resources, human resources are the most important and decisive factor in the economic growth and development of every country. Within the scope of this article, the author researches and learns about human resources and the digital economy; Current status and issues facing human resource development in Vietnam in the current digital economic context.

Keywords: Human resources; digital economy; Vietnam.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nguồn nhân lực (NNL) là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công hay không thành công trong phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, do vậy tất cả các nước trên thế giới đều quan

tâm đến phát triển NNL, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế số (KTS) hiện nay. KTS hiện đang là mô hình kinh tế mới mà hầu hết các quốc gia trên thế giới đều đang hướng tới. Ở Việt Nam, phát triển KTS là một trong những định hướng lớn cho chiến

lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030. Để phát triển KTS, ngoài môi trường thể chế chính sách, việc chú trọng phát triển NNL được coi là nhân tố đầu tiên quyết định. Ngày 31/3/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 411/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển KTS và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Quyết định này đã xác định: KTS là hoạt động kinh tế sử dụng công nghệ số và dữ liệu số làm yếu tố đầu vào chính, sử dụng môi trường số làm không gian hoạt động chính, sử dụng công nghệ thông tin - viễn thông để tăng năng suất lao động, đổi mới mô hình kinh doanh và tối ưu hóa cấu trúc nền kinh tế. Một nước cho dù có tài nguyên thiên nhiên phong phú, máy móc kỹ thuật hiện đại nhưng không có những con người có trình độ, có đủ khả năng khai thác các nguồn lực đó thì khó có khả năng có thể đạt được sự phát triển như mong muốn.

2. KHÁI QUÁT VỀ NGUỒN NHÂN LỰC VÀ KINH TẾ SỐ

2.1. Nguồn nhân lực và phát triển nguồn nhân lực

NNL luôn được xem là một yếu tố tạo nên sự thành công của mọi tổ chức, quốc gia. Đây là nguồn lực quan trọng nhất, quyết định năng suất, chất lượng, hiệu quả sử dụng các nguồn lực khác trong hệ thống các nguồn lực.

Thuật ngữ nguồn nhân lực (Human resources) xuất hiện vào thập niên 80 của thế kỷ XX khi mà có sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, sử dụng con người trong kinh tế lao động. Theo Ngân hàng thế giới thì nguồn nhân lực là trình độ lành nghề, là kiến thức và năng lực của toàn bộ cuộc sống con người hiện có hoặc

tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội trong một cộng đồng (World Bank, 2002).

NNL là nguồn lực con người của những tổ chức (với quy mô, loại hình, chức năng khác nhau) có khả năng và tiềm năng tham gia vào quá trình phát triển của tổ chức cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, khu vực, thế giới (Nicholas Henry, tr.256). Cách hiểu này về nguồn nhân lực xuất phát từ quan niệm coi NNL là nguồn lực với các yếu tố vật chất, tinh thần tạo nên năng lực, sức mạnh phục vụ cho sự phát triển nói chung của các tổ chức;

Tại Việt Nam các tác giả đưa ra khái niệm về NNL (Phạm Minh Hạc, 2001) Nguồn nhân lực là tổng thể các tiềm năng lao động của một tổ chức, một địa phương, một quốc gia trong thể thống nhất hữu cơ năng lực xã hội (thể lực, trí lực, nhân cách) và tính năng động xã hội của con người thuộc các nhóm đó.

Theo Võ Thành Khối (2010) NNL là tổng thể số lượng và chất lượng con người với tổng hoà các tiêu chí về trí lực, thể lực và những phẩm chất đạo đức - tinh thần tạo nên năng lực mà bản thân con người và xã hội đã, đang và sẽ huy động vào quá trình lao động sáng tạo vì sự phát triển và tiến bộ xã hội.

Như vậy, khái niệm NNL được hiểu theo hai nghĩa, ngoài nghĩa rộng được hiểu như khái niệm “nguồn lực con người”, thường còn được hiểu theo nghĩa hẹp là nguồn lao động (tổng số người đang có việc làm, số người thất nghiệp và số lao động dự phòng), thậm chí có khi còn được hiểu là lực lượng lao động (số người trong độ tuổi lao động mà có khả năng lao động). NNL là toàn bộ quá trình

chuyên môn mà con người tích lũy được, nó được đánh giá cao vì tiềm năng đem lại thu nhập trong tương lai.

Về phát triển NNL, theo quan niệm của Liên Hợp quốc, phát triển NNL bao gồm giáo dục, đào tạo và sử dụng tiềm năng con người nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống. Có quan điểm cho rằng: phát triển NNL là gia tăng giá trị cho con người, cả giá trị vật chất và tinh thần, cả trí tuệ lẫn tâm hồn cũng như kỹ năng nghề nghiệp, làm cho con người trở thành người lao động có những năng lực và phẩm chất mới, cao hơn, đáp ứng được những yêu cầu to lớn và ngày càng tăng của sự phát triển kinh tế - xã hội. Một số tác giả khác lại quan niệm: phát triển là quá trình nâng cao năng lực của con người về mọi mặt: thể lực, trí lực, tâm lực, đồng thời phân bổ, sử dụng, khai thác và phát huy hiệu quả nhất nguồn nhân lực thông qua hệ thống phân công lao động và giải quyết việc làm để phát triển kinh tế - xã hội.

Từ những luận điểm trình bày trên, phát triển NNL của một quốc gia chính là sự biến đổi về số lượng và chất lượng NNL trên các mặt thể lực, trí lực, kỹ năng, kiến thức và tinh thần cùng với quá trình tạo ra những biến đổi tiến bộ về cơ cấu NNL. Nói một cách khái quát nhất, phát triển NNL chính là quá trình tạo lập và sử dụng năng lực toàn diện con người vì sự tiến bộ kinh tế- xã hội và sự hoàn thiện bản thân mỗi con người. Như vậy, phát triển NNL với nội hàm trên đây thực chất là đề cập đến vấn đề chất lượng NNL và khía cạnh xã hội của NNL của một quốc gia.

2.2. Kinh tế số và nội hàm của nó

Kinh tế số (Digital economy), là khái niệm xuất hiện sau kinh tế nông nghiệp và kinh tế công nghiệp. Khái niệm này được hiểu đơn giản là một nền kinh tế được vận hành chủ yếu dựa trên công nghệ số, đặc biệt đó là các giao dịch điện tử trên internet. Theo nhóm cộng tác KTS của Oxford, KTS là “một nền kinh tế vận hành chủ yếu dựa trên công nghệ số, đặc biệt là các giao dịch điện tử tiến hành thông qua internet” (Harbhajan S. Kehal, Varinder P. Singh, 2005).

Chương trình “Sáng kiến hợp tác và phát triển kinh tế kỹ thuật số G20” của Hội nghị thượng đỉnh G20 ở Hàng Châu năm 2016 xác định: “Nền kinh tế số đề cập đến các hoạt động kinh tế sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) làm động lực chính để nâng cao hiệu quả và tối ưu hóa cơ cấu kinh tế. Kiến thức số và thông tin số là phương tiện chính mang lại hiệu quả cho nền kinh tế”.

Nhưng, dù tiếp cận khái niệm ở góc độ nào, thì về bản chất, KTS có các mô hình và phương thức hoạt động đều được ứng dụng công nghệ số. Còn về mặt phạm vi, KTS được áp dụng phổ cập rộng rãi trong nhiều lĩnh vực, như: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, giao thông vận tải, tài chính ngân hàng...

Là một trình độ phát triển lực lượng sản xuất mới, KTS thể hiện những đặc trưng khác biệt với nền kinh tế công nghiệp truyền thống (Lê Duy Bình, Trần Thị Phương, 2020). Đặc trưng khác biệt đó thể hiện ở các khía cạnh sau:

Một là, dữ liệu (Data) đã trở thành yếu tố sản xuất quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Với sự bùng nổ nhanh

chóng của internet đã tạo sự kết nối giữa người với người, giữa người với vạn vật và giữa vạn vật với nhau. Do đó, khối lượng dữ liệu (data) đang bước vào giai đoạn bùng nổ. Tốc độ tăng trưởng dữ liệu toàn cầu có xu hướng tăng mạnh dẫn đến khái niệm Big Data. Dữ liệu ngày càng trở thành tài sản chiến lược, là sức mạnh của doanh nghiệp và của quốc gia. Như vậy, các quốc gia muốn hoàn thiện nhanh KTS, nhất thiết chính phủ cần thay đổi cách nhìn nhận về nguồn lực, phải xây dựng các thể chế, khung pháp lý hướng dẫn các nguồn lực trong KTS.

Hai là, cơ sở hạ tầng số trở thành nền tảng hạ tầng mới. Trong thời đại công nghiệp, các hoạt động kinh tế dựa trên cơ sở hạ tầng vật chất, như: đường sắt, đường cao tốc và sân bay... Sau khi công nghệ số xuất hiện, internet và điện toán đám mây trở thành cơ sở hạ tầng thông tin quan trọng. Cùng với sự phát triển của công nghệ số, khái niệm cơ sở hạ tầng số được mở rộng hơn, bao gồm cơ sở hạ tầng thông tin, như: kết nối băng thông rộng, mạng không dây và bộ phận thứ hai là cơ sở hạ tầng vật lý truyền thống có ứng dụng chuyển đổi kỹ thuật số, như: ống nước cảm biến, hệ thống đỗ xe tự động, hệ thống giao thông tự động... Như vậy, cơ sở hạ tầng kỹ thuật số dạng “sợi quang và chip” đã thay thế cơ sở hạ tầng từ “gạch và vữa” trong thời đại công nghiệp.

Ba là, kiến thức số trở thành yêu cầu mới đối với nguồn nhân lực. Trong thời đại của kinh tế nông nghiệp và kinh tế công nghiệp, nguồn nhân lực không đòi hỏi phải có hiểu biết ở trình độ cao, nhưng trong kỷ nguyên số, kiến thức số đã trở

thành khả năng bắt buộc đối với nguồn nhân lực, nguồn nhân lực cần phải được cung cấp “kỹ năng kép”: vừa có kỹ năng số, vừa cả kỹ năng chuyên môn. Khi không có kiến thức số ở một trình độ cơ bản, họ sẽ bị coi là “mù chữ” ở kỷ nguyên số. Vì vậy, hiểu biết về công nghệ số là một trong những yêu cầu cơ bản của nguồn nhân lực trong kỷ nguyên số, nó là năng lực quan trọng không kém các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

Như vậy, với 3 đặc trưng cơ bản về KTS đã trình bày ở trên, có thể kết luận KTS muốn thành công nhất thiết phải thực hiện 3 trụ cột cơ bản: (i) Thiết lập trụ cột thể chế kinh tế số; (ii) Xây dựng trụ cột hạ tầng số; (iii) Phát triển trụ cột nhân lực số.

3. THỰC TRẠNG NGUỒN NHÂN LỰC VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH NỀN KINH TẾ SỐ HIỆN NAY

Theo điều tra dân số, Việt Nam hiện có hơn 99 triệu dân (Liên hợp quốc, 2022), được xếp ở quốc gia đông dân thứ 15 trên thế giới và là quốc gia đông dân thứ ba quốc gia ở Đông Nam Á. Một trong những lợi ích đáng kể nhất của Việt Nam là có được lực lượng lao động dồi dào và tổ chức tháo vát của lao động trẻ. Từ năm 2007, Việt Nam đã ở trong thời kỳ cơ cấu “dân số vàng” khi phần lớn dân số đang trong độ tuổi lao động.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, NNL Việt Nam hiện nay đang tăng về số lượng và nâng cao về chất lượng. Tính đến ngày 15/4/2023, Việt Nam có quy mô dân số đạt 100 triệu người. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý I/2023 là 52,2 triệu người, tăng 88,7 nghìn người so với quý trước và tăng hơn một triệu người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ lao động

qua đào tạo có bằng, chứng chỉ quý I/2023 là 26,4%, không thay đổi so với quý trước và cao hơn 0,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Số người từ 15 tuổi trở lên có việc làm quý I/2023 là 51,1 triệu người, tăng 113,5 nghìn người so với quý trước và tăng 1,1 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Số người thiếu việc làm trong độ tuổi quý I/2023 là khoảng 885,5 nghìn người, giảm 12,4 nghìn người so với quý trước và giảm 443,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

Theo báo cáo của Tổ chức Chương trình phát triển Liên hiệp quốc (ngày 09/9/2022), Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam trong nhóm phát triển khá đứng thứ 115/191 quốc gia. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi để NNL của Việt Nam có khả năng chuyển đổi, ứng dụng công nghệ số để xây dựng kỹ thuật số trong thời kỳ cách mạng 4.0.

Theo báo cáo của Ủy ban về chuyển đổi số, hiện nay, Việt Nam có khoảng hơn 240 trường đại học, trong đó gần 160 trường có chuyên ngành đào tạo kỹ thuật: Công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin. Hằng năm, số lượng sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành này vào khoảng hơn 53.000 (nếu tính cả đào tạo cao đẳng, trung cấp thì con số này vào khoảng hơn 65.000). Với năng lực đào tạo này, trong những năm gần đây, Việt Nam đang đứng trước nguy cơ thiếu hụt nguồn nhân lực kỹ thuật cao để thực hiện chuyển đổi số, trong khi đó, nhu cầu tuyển dụng của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ngày càng cao để thực hiện chuyển đổi số (Trần Việt Anh, Cảnh Chí Hoàng, 2023).

Trong năm 2023, tốc độ tăng trưởng doanh thu của chuyển đổi số (tăng 18,0%

so với cùng kỳ) có thể tăng hơn gấp đôi doanh thu từ dịch vụ công nghệ thông tin truyền thống (tăng 7,9% so với cùng kỳ), cho thấy những tiềm năng to lớn trên thị trường này. Giống như phần còn lại của thế giới, nền kinh tế đang phát triển của Việt Nam cũng đang trải qua quá trình chuyển đổi số. Theo chương trình chuyển đổi số quốc gia đến 2025, định hướng đến năm 2030, nền KTS của Việt Nam sẽ chiếm 20% GDP vào năm 2025.

Do ảnh hưởng của xã hội già hóa và chi phí lao động tăng cao, Việt Nam sẽ sớm đánh mất lợi thế so sánh hiện tại về lao động giá rẻ. Ngoài ra, năng suất lao động ở Việt Nam còn thấp nhưng khi quá trình số hóa ngày càng được thúc đẩy thì việc cần phát triển NNL có kỹ năng cao và có khả năng sáng tạo để xây dựng năng lực cạnh tranh là rất cần thiết.

Bảng 1: Dân số trung bình của Việt Nam từ 2019-2023

TT	Năm	Số dân (triệu người)
1	2019	96.484
2	2020	97.582,69
3	2021	98.506,19
4	2022	99.474,42
5	2023	100.300

(Nguồn: Báo cáo thực trạng phát triển nguồn nhân lực công nghiệp Việt Nam)

Chính phủ Việt Nam đã xác định phát triển NNL là một lĩnh vực ưu tiên để phát triển kinh tế - xã hội bền vững trong vài thập kỷ tới, và chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2021 - 2030 cũng nhấn mạnh đến việc phát triển NNL có kỹ năng cao (kỹ thuật số, nhân sự quản lý, phúc lợi và chăm sóc điều dưỡng).

Bảng 2: Việt Nam đặt mục tiêu tăng tỷ trọng của nền kinh tế số lên 20% GDP vào năm 2025

TT	Năm	Tỷ trọng (%)
1	2021	48
2	6T/2022	34
3	Mục tiêu 2025	11

(Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, GARTNER)

Trong bối cảnh chuyển đổi số phát triển mạnh, Chính phủ, các tổ chức và doanh nghiệp tại Việt Nam đã tích cực đón nhận và tham gia các hoạt động để bắt kịp xu hướng của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chính phủ đang thúc đẩy sự phát triển của KTS thông qua một loạt cơ chế chính sách và các chính sách này gần đây đã được củng cố bởi Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiếp cận mạnh mẽ với Công nghiệp 4.0.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, giáo dục và đào tạo ở Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập như:

Một là, có sự mất cân đối lớn về cơ cấu ngành nghề, chuyên môn nghiệp vụ. Hiện nay, cơ cấu lao động qua đào tạo ở Việt Nam đang chuyển dịch theo hướng bất hợp lý, hiện tượng “thừa thầy thiếu thợ” đang rất phổ biến. Tỷ lệ lao động giữa các ngành nghề kinh tế đang mất cân đối khá lớn. Năm 2022, tỷ trọng lao động làm việc trong ngành nông nghiệp giảm còn 27,6%, các ngành công nghiệp, dịch vụ là 39,1%. Tỷ trọng lao động trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng có sự dao động nhẹ và đạt mức 33,3% năm 2022 (Vũ Thị Loan, 2022).

Hai là, trình độ, chuyên môn, nghề nghiệp của đội ngũ nguồn nhân lực chưa

cao. Mặc dù Việt Nam đang có tỷ lệ phổ cập giáo dục cao đạt khoảng 88%, nhưng số người lao động có trình độ tay nghề, chuyên môn chỉ chiếm khoảng 11,67% và gần như không thay đổi nhiều so với ba năm trước. Đặc biệt, năm 2022, tỷ lệ lao động Việt Nam có đủ trình độ tiếng Anh để làm việc chỉ chiếm 5% lực lượng lao động (Mai Hoa, 2022). Nhìn chung, lao động Việt Nam có trình độ chuyên môn, tay nghề và kỹ năng chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp và của thị trường lao động.

Ba là, kỷ luật lao động và đạo đức nghề nghiệp của người lao động chưa cao. Trên thực tế, tinh thần trách nhiệm trong công việc, đạo đức nghề nghiệp, văn hóa doanh nghiệp, ý thức tuân thủ lao động của người lao động Việt Nam chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra trong quá trình sản xuất công nghiệp. Điều này đã tác động xấu đến chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh hàng hóa trên thị trường.

Nguyên nhân của những hạn chế trên là do nhà nước chưa có chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao toàn diện, mang tầm quốc gia trong dài hạn Hệ thống giáo dục đào tạo, nhất là đào tạo đại học còn bộc lộ nhiều hạn chế; Công tác dự báo nhu cầu thị trường lao động còn yếu...

4. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NỀN KINH TẾ SỐ VIỆT NAM HIỆN NAY

Từ thực tế chất lượng NNL ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, để phát triển NNL đáp ứng yêu cầu KTS, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, quán triệt và thực hiện tốt quan điểm, chủ trương, chính sách của

Đảng, Nhà nước trong việc chủ động tham gia, tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghệ 4.0, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp thông minh, phát triển nền KTS trong toàn hệ thống chính trị và doanh nghiệp. Theo đó chúng ta cần phải phải đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trong phát triển nền KTS, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận và hoạt động trong môi trường KTS. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của toàn dân hưởng ứng và đồng hành cùng doanh nghiệp nhằm tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho phát triển doanh nghiệp thông minh ở Việt Nam

Thứ hai, đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng - xã hội để đáp ứng đòi hỏi của nền KTS hiện nay. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử với hạ tầng công nghệ thông minh. Hình thành và vận hành một chính quyền điện tử đủ mạnh, thông suốt, thủ tục hành chính gọn nhẹ, nhanh chóng tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp. Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia, hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất.

Thứ ba, xây dựng chiến lược giáo dục và đào tạo phục vụ trực tiếp cho sự phát triển của nền kinh tế số. Bộ Giáo dục và Đào tạo cần kết hợp với các bộ, ngành cụ thể, giữa doanh nghiệp với các trường đại học, viện nghiên cứu để dự báo được nhu cầu lao động. Đồng thời, xây dựng chương trình đào tạo số chú trọng đào tạo tri thức công nghệ thông tin, viễn thông, kỹ năng ứng dụng công nghệ kỹ thuật số

trong lao động sản xuất cho học sinh từ bậc học phổ thông. Các trường cần xây dựng hệ thống học liệu số, thư viện số giúp phát huy khả năng tự học, tiếp cận thông tin tri thức của người học, người cần nghiên cứu. Về phần các trường cũng phải thay đổi chương trình, nội dung đào tạo, phương pháp dạy và học, nâng cao trình độ giảng viên để đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Thứ tư, hằng năm cần đánh giá về tình hình sử dụng NNL, nhất là NNL chất lượng cao ở nước ta. Trên cơ sở đó, xây dựng chính sách về phát triển NNL cho phù hợp, như: chính sách hướng nghiệp, dạy nghề, học nghề; dự báo nhu cầu lao động và cân đối lao động theo ngành nghề, trình độ; điều chỉnh chính sách an sinh xã hội cho người lao động; chính sách đối với lao động đi làm việc ở nước ngoài.

5. KẾT LUẬN

Phát triển NNL được coi là quan trọng và có ý nghĩa quyết định đến sự thành bại trong sự phát triển của mỗi quốc gia, đặc biệt, trong bối cảnh hội nhập kinh tế. Mỗi một nền kinh tế đòi hỏi cần phải có một lực lượng sản xuất tương ứng về trình độ, đặc biệt là NNL. Vì vậy, tương ứng với nền KTS phải có NNL số để triển khai, tổ chức thực hiện và vận hành nó. Để Việt Nam có thể tiến nhanh, tiến xa trong bối cảnh hội nhập kinh tế hiện nay cần có nguồn nhân lực đủ và chất lượng. Xác định tầm quan trọng của của kinh tế số, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, định hướng đúng đắn và đột phá về phát triển KTS, chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo để nâng cao chất lượng NNL. Có như vậy chúng ta mới

không bị tụt lại phía sau, không bị lạc hậu với thế giới và khu vực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

[1]. Trần Việt Anh, Cảnh Chí Hoàng (2023), *Phát triển nguồn nhân lực số trong doanh nghiệp Việt Nam hiện nay*. Đăng ngày 04/09/2023.

<https://tapchitaichinh.vn/phat-trien-nguon-nhan-luc-so-trong-doanh-nghiep-viet-nam-hien-nay.html>.

[2]. Lê Duy Bình, Trần Thị Phương (2020), *Digital economy and digital transformation in Viet Nam, Delegation of the European Union to Viet Nam*.

[3]. Chính phủ, Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022, *Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển KTS và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.

[4]. Mai Hoa (2022), *Lao động có tay nghề, chuyên môn cao chỉ chiếm 11,67%*, Báo Hà Nội mới, <http://www.hanoimoi.com.vn/>.

[5]. Phạm Minh Hạc (2001), *Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. Nxb. Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.

[6]. Võ Thành Khối (2010), *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở các tỉnh vùng đồng bằng nam bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, đề tài nghiên cứu khoa học Học viên Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh

[7]. Vũ Thị Loan (2022), *Một số vấn đề đặt ra đối với thị trường lao động và giải pháp trọng tâm nhằm phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại và bền vững*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Lao động, việc làm và hoạt động đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong kỷ nguyên số”, Nxb Lao động, Hà Nội

[8]. Harbhajan S. Kehal, Varinder P. Singh (2005), *Digital Economy Impacts and Influences and Challenges*, Idea Group.

[9]. Nicholas Henry, *Public Administration and Public affairs*.

[10]. World Bank (2002), *World Development Indicators*, Oxford University Press Washington DC.

THÔNG TIN TÁC GIẢ:

Tạ Thị Năm

Trường Đại học Công đoàn

E-mail: namtt@dhcd.edu.vn



BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Địa chỉ:

- Số 1: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- Số 2: Số 72, đường Nguyễn Thái Học, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- Điện thoại: (0220) 3882 269 Fax: (0220) 3882 921 Website: <http://saodo.edu.vn> Email: info@saodo.edu.vn

**P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X**

Số 2 (90)

2025

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>/Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.